

Số: 08 /BC-HDQT

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

I. Thông tin chung:

1. Thông tin tổng quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643
- Vốn điều lệ: 108.935.570.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 348.261.519.601 đồng
- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa – TP Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi
- Số điện thoại: 055 3822536 - 3822529
- Số fax: 055 3822060
- Website: <http://www.apfco.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): APF

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập: Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi) theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000019 ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 16 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh và lần hiệu chỉnh gần nhất vào ngày 27 tháng 12 năm 2014).

- Niêm yết: Công ty chưa niêm yết.

- Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay: Từ khi thành lập đến nay Công ty không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ Năm 2004: Đưa dự án ĐTXD Nhà máy SX Tinh bột mì Sơn Hải – Sơn Hà (Nay là Nhà máy SX Tinh bột mì Quảng Ngãi - cơ sở 2) vào hoạt động.

+ Năm 2005: Mua Nhà máy SX Tinh bột sắn Đăk Tô – Kon Tum.

+ Năm 2006: Đưa dự án ĐTXD Nhà máy SX Tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.

+ Năm 2008: Mua Nhà máy SX Tinh bột sắn Tân Châu – Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.

+ Năm 2010: Mua Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Mang Yang.

- + Năm 2012: Đưa dự án ĐTXD Nhà máy Cồn Đắk Tô vào hoạt động.
- + Năm 2013: Mua Nhà máy sản xuất tinh bột sắn An Khê.
- + Năm 2014: Mua và thành lập Công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Kom Tum. Bàn giao lại Chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn và các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol); Sản xuất, chế tạo, gia công, lắp đặt thiết bị cơ khí; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; May mặc xuất khẩu; Kinh doanh tổng hợp: Đường, bia, rượu, thuốc lá điếu, sữa, sắn lát khô, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lâm sản chế biến, hải sản, nam dược, phân bón, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất; Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp; Đại lý mua bán hàng hóa; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Đầu tư kinh doanh khai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; Cho thuê văn phòng làm việc, kho, bãi; Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải; Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí BIOGAS; Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm.

- Địa bàn kinh doanh:

Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Các nước trong khu vực như: Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi có trụ sở chính tại số 48 Phạm Xuân Hòa, Thành phố Quảng Ngãi. Ngoài các phòng ban của Công ty, Công ty còn có:

07 cơ sở hạch toán phụ thuộc;

01 Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh;

01 Công ty con hạch toán độc lập (100% vốn của Công ty):

Công ty TNHH 1TV Chế biến bột sắn Se Pôn

Địa chỉ: Bản Aly KenThong, Huyện Sê Pôn, Tỉnh Savannakhet, Lào.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh Tinh bột sắn

Vốn điều lệ đăng ký: 1.164.633 USD

Đã thực góp đến 31/12/2013: 17.612.156.198 Đồng

01 Công ty con hạch toán độc lập (51% vốn của Công ty):

Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum

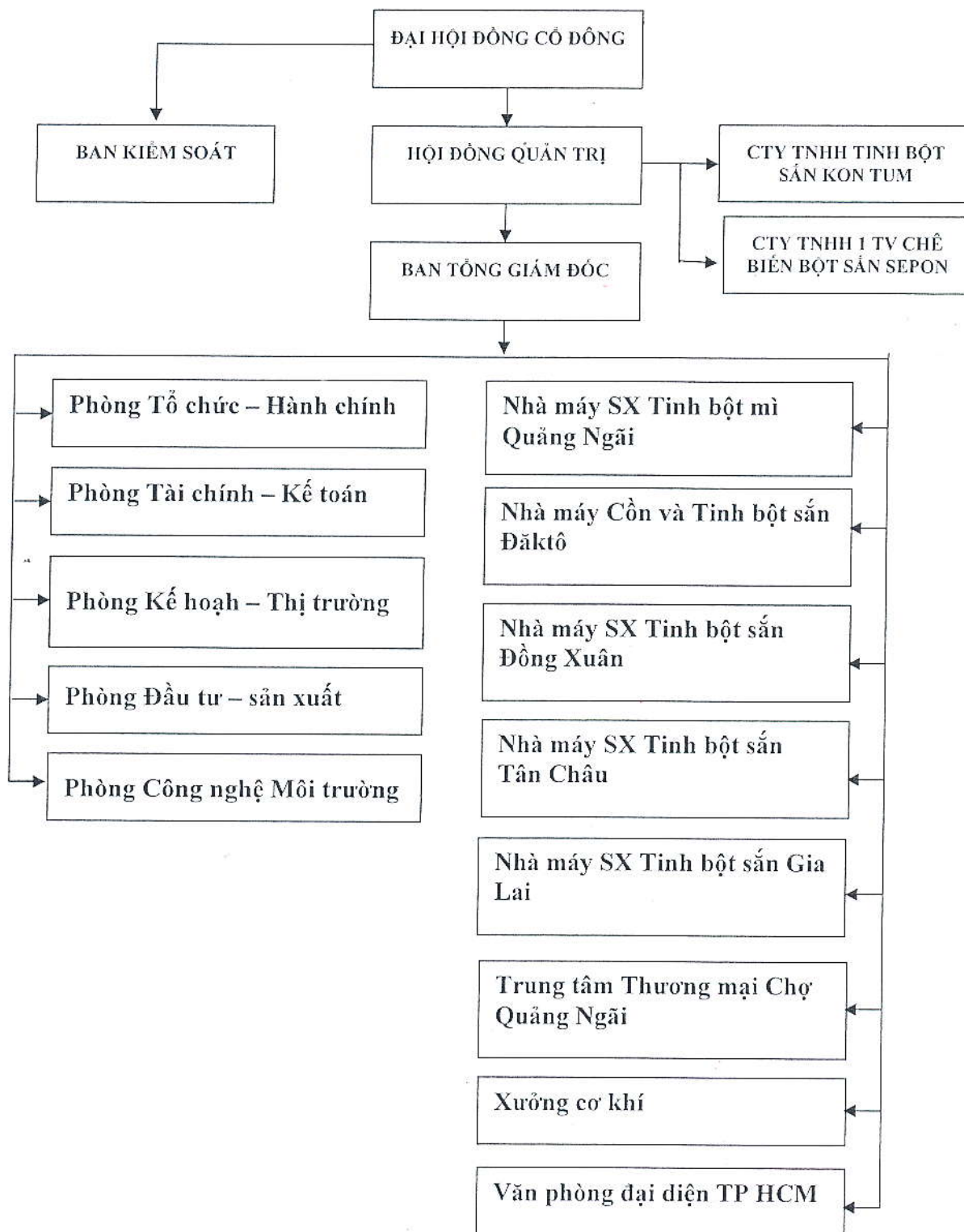
Địa chỉ: Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh tinh bột sắn.

Vốn điều lệ đăng ký: 47.848.094.338 đồng

Đã thực góp đến 31/12/2014: 24.403.899.956 đồng

Sơ đồ tổ chức của Công ty:



5. Định hướng phát triển:

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, ổn định công việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách thuế đối với Nhà nước.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm Tinh bột sắn và Cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Chuẩn bị điều kiện kỹ thuật, con người để sản xuất Ethanol nhiên liệu theo Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007 về việc phê duyệt “Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2025” và Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 về việc ban hành “Lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống” của Thủ tướng Chính phủ.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm. Mục tiêu từ năm 2016 đến năm 2018 đầu tư tại khu vực tỉnh Gia Lai và tỉnh Phú Yên để đạt tổng sản lượng bột biến tính 60.000 tấn.

- Đầu tư sản xuất bột Pregel tại Nhà máy cồn và tinh bột sắn Đắk Tô.

* Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy ngay trong năm 2014 Công ty đã triển khai đầu tư ép sấy bã đến cuối năm 2015 hoàn thành trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Giai đoạn 2016 – 2018 nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty:

* **Thế giới:**

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tranh chấp Biển Đông.

* **Trong nước:**

- Chi phí: điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Thời tiết khô hạn kéo dài, nhất là các tỉnh miền Trung, ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng nguyên liệu; cạnh tranh thua mua nguyên liệu gay gắt.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Diễn giải	ĐVT	TH 2013	Năm 2014		So sánh (%)	
				KH	TH	TH2014/ TH2013	TH2014/ KH2014
I	KINH DOANH						
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.250.000	2.400.000	2.284.687	101,54	95,20
2	Lãi ròng	Tr.đồng	125.000	70.000	58.000	46,40	82,86
II	SẢN XUẤT						
1	Thành phẩm tinh bột	Tấn	234.110	264.000	249.557	106,60	94,53
2	Thành phẩm cồn	M3	9.725	20.000	15.645	160,87	78,23

- Doanh thu không đạt KH là do sản lượng tinh bột và cồn tiêu thụ không đạt kế hoạch, thị trường gặp nhiều khó khăn.

- Về sản lượng tinh bột sản toàn Công ty chỉ đạt 94,53% KH là do diện tích nguyên liệu giảm (chủ yếu ở Quảng Ngãi), hạn hán kéo dài dẫn đến sản lượng thấp, cạnh tranh khá quyết liệt.

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành:

- **Ông: Võ Văn Danh**

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1961
Địa chỉ thường trú : 295 Phan Đình Phùng, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 211222371
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3822536
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 454.362CP, tỷ lệ: 4,17%

- **Ông: Vũ Lam Sơn**

Ngày tháng năm sinh : 15/8/1956
Địa chỉ thường trú : Tổ 11 Phường Trần Phú, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 212610392
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3711995
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 385.378 CP, tỷ lệ: 3,54%

• **Ông: Ngô Văn Tươi**

Ngày tháng năm sinh : 06/8/1958
Địa chỉ thường trú : 67 Phạm Xuân Hòa, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 210025126
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3822542
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 217.826 CP, tỷ lệ: 2,00%

• **Ông: Lê Tuấn Toàn**

Ngày tháng năm sinh : 16/02/1962
Địa chỉ thường trú : 99 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 210643799
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3819741
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 300.338 CP, tỷ lệ: 2,76%

• **Ông: Trần Ngọc Hải**

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 211925924
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3819741
Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 115.808 CP, tỷ lệ: 1,06%

• **Ông: Trần Đức Thạch**

Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974

Địa chỉ thường trú : Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 212127348
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3822529
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 79.560 CP, tỷ lệ: 0,73 %

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ông: Trần Đức Thạch được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng thay thế cho Bà: Bùi Thị Như Hoa (nguyên Kế toán trưởng), Bà: Bùi Thị Như Hoa giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2014-2018.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số CB CNV tại thời điểm 31/12/2014: 550 người.

+ Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng:

Hàng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người. Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, định kỳ Công ty xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ thuật để khen thưởng.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn,

hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm đã thực hiện một số công trình theo KH đề ra nhằm nâng cao năng lực SX, tăng hiệu quả cho Công ty, cụ thể:

- Tiếp tục đầu tư thay thế, bổ sung để ổn định sản xuất còn;
- Đầu tư nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân và Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn An Khê lên 200 tấn SP/ngày.
- Chấm dứt hợp đồng đầu tư kinh doanh khai thác Chợ Quảng Ngãi.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

b1. Công ty con: Công ty TNHH ITV Chế biến bột sắn Sê Pôn

- Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	31/12/20014	31/12/2013	Tỷ lệ SS (%)
1	Tài sản ngắn hạn	15.914.897.594	4.586.715.962	346,98
	- Vốn bằng tiền	664.124.675	218.334.622	304,18
	- Các khoản phải thu	822.834.424	264.346.472	311,27
	- Hàng tồn kho	9.508.114.588	253.704.802	3.747,71
	- Tài sản ngắn hạn khác	4.919.823.907	3.850.330.066	127,78
2	Tài sản dài hạn	73.415.596.920	12.596.093.191	582,84
	- Nguyên giá TS cố định	72.923.443.005	3.811.102.497	1.913,45
	- Chi phí XDCB dở dang	11.835.000	8.731.083.190	0,14
	- Tài sản dài hạn khác	480.318.915	53.907.504	891,01
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	89.330.494.514	17.182.809.153	519,88
1	Nợ ngắn hạn	15.759.763.336	290.233.091	5.430,04
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	74.398.599.857	17.612.156.198	422,43
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(441.462.008)	(365.829.054)	120,67
4	LN sau thuế chưa PPhối	(386.406.671)	(353.751.082)	109,23
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	89.330.494.514	17.182.809.153	519,88

-Tình hình kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	31/12/20014	31/12/2013	Tỷ lệ SS (%)
1	Doanh thu bán hàng và CCDV			
2	Lợi nhận gộp về bán hàng và CCDV			
3	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	(32.655.589)		
4	Lợi nhuận khác			
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	(32.655.589)		
6	Lợi nhận sau thuế TNDN	(32.655.589)		

b2. Công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum

- Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	31/12/20014	31/12/2013	Tỷ lệ SS (%)
1	Tài sản ngắn hạn	87.262.818.328	76.721.681.274	113,74
	- Vốn bằng tiền	4.485.957.074	13.344.203.412	33,62
	- Các khoản phải thu	20.910.666.859	32.638.742.043	64,07
	- Hàng tồn kho	61.681.963.190	28.040.294.201	219,98
	- Tài sản ngắn hạn khác	184.231.205	2.698.441.618	6,83
2	Tài sản dài hạn	63.077.384.781	49.115.731.628	128,43
	- Nguyên giá tài sản cố định	60.771.746.140	48.541.142.447	125,20
	- Chi phí XDCB dở dang	909.732.727	564.058.977	161,28
	- Tài sản dài hạn khác	1.395.905.914	10.530.204	13.256,21
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	150.340.203.109	125.837.412.902	119,47
1	Nợ ngắn hạn	75.247.396.380	65.568.653.077	114,76
2	Nợ dài hạn	25.000.000.000	4.959.876.000	504,04
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.092.806.729	55.308.883.825	90,57
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	150.340.203.109	125.837.412.902	119,47

- Các chỉ tiêu kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	31/12/20014	31/12/2013	Tỷ lệ SS (%)
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	194.350.535.349	220.659.546.769	88,08
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	17.494.008.922	16.665.966.727	104,97
3	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	634.885.414	14.785.316.674	4,29
4	Lợi nhuận khác	(3.385.517.634)	(2.128.772.117)	159,04
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	(2.750.632.220)	12.656.544.577	(21,73)
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.877.284.023)	11.912.976.943	(24,15)

4. Tình hình tài chính:**a. Tình hình tài chính:**

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.395.217.356.931	1.622.917.689.633	116,32%
Doanh thu thuần	2.251.974.751.812	2.276.365.004.742	101,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	124.741.101.190	46.101.338.817	36,96%
Lợi nhuận khác	198.267.449	5.654.266.357	2851,84%
Lợi nhuận trước thuế	124.939.368.639	51.755.605.174	41,42%
Lợi nhuận sau thuế	104.373.162.793	42.086.301.568	40,32%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	70%		

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,90	0,90	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,41	0,29	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,74	0,77	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,86	3,59	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	7,66	4,76	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,61	1,40	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,06	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần tại thời điểm đang lưu hành tại thời điểm: 31/12/2014: 10.893.557 CP. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng.

b. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	3.365.432	30,89%
	Cổ đông nhỏ	7.528.125	69,11%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	3.365.432	30,89%
	Cổ đông cá nhân	7.528.125	69,11%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	10.893.557	100,00%
	Cổ đông nước ngoài	0	0,00%
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước	3.365.432	30,89%
	Cổ đông khác	7.528.125	69,11%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhằm tăng vốn lưu động đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh; Giảm áp lực về vốn vay ngân hàng. Năm 2014 Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức để tăng vốn điều lệ từ: 90.781.180.000 đồng lên 108.935.570.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu thực hiện không đạt kế hoạch (95,2%) và cao hơn cùng kỳ năm trước (101,54%); Doanh thu không đạt kế hoạch là do sản lượng tinh bột và cồn tiêu thụ không đạt KH, thị trường gặp nhiều khó khăn.

- Lãi ròng đạt 82,86% KH, đạt 46,4% cùng kỳ năm trước.

- Về sản lượng tinh bột sản toàn Công ty (kể cả Công ty con Kon Tum) đạt 106,60% so với năm trước nhưng chỉ đạt 94,53% KH.

- Về sản lượng cồn đạt 78,23 KH, nhưng đạt cao hơn cùng kỳ năm trước (đạt 160,87%).

- Về chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm Tinh bột sản và Cồn thực phẩm năm 2014 đạt chỉ tiêu đề ra, đáp ứng nhu cầu thị trường đặc biệt nhu cầu thực phẩm.

- Về định mức kinh tế kỹ thuật:

+ Định mức thu hồi: Hầu hết tất cả các Nhà máy đều thực hiện thấp hơn năm 2013.

+ Chỉ tiêu tiêu hao điện các nhà máy đều có chương trình tiết kiệm điện.

+ Vật tư, phụ tùng thay thế các Nhà máy đều thực hiện tốt kế hoạch.

- Về cảnh quan môi trường, Phòng chống cháy nổ và an toàn lao động:

+ Cơ bản các nhà máy xử lý nước thải đạt chuẩn theo qui định của Nhà nước.

+ Bã sản tươi chủ yếu là phơi tự nhiên do đó vẫn ảnh hưởng đến môi trường.

+ Công tác VSCN, PCCC, ATLD được quan tâm nên trong năm không có sự cố nào đáng tiếc.

- Về lao động và quản lý điều hành: Về cơ bản công tác quản lý điều hành tại các đơn vị tương đối tốt, tuân thủ Pháp luật lao động, chấp hành sự chỉ đạo của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty, thực hiện tốt định biên lao động thường xuyên.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ SS (%)
1	Tài sản ngắn hạn	728.548.282.104,0	921.272.602.244,0	126,45%
	- Vốn bằng tiền	47.935.464.408,0	71.337.986.849,0	148,82%
	- Các khoản phải thu	248.520.617.789,0	179.428.973.719,0	72,20%
	- Hàng tồn kho	392.691.439.967,0	631.115.329.877,0	160,72%
	- Tài sản ngắn hạn khác	39.400.759.940,0	39.390.311.799,0	99,97%

2	Tài sản dài hạn	666.669.074.827,0	701.645.087.419,0	105,25%
	- Nguyên giá tài sản cố định	789.665.169.372,0	1.091.232.971.052,0	138,19%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(313.972.404.149,0)	(443.581.486.288,0)	141,28%
	- Chi phí XDCB dở dang	178.003.170.171,0	39.904.100.767,0	22,42%
	- Đầu tư tài chính dài hạn	1.998.660.153,0	506.590.000,0	25,35%
	- Tài sản dài hạn khác	10.974.479.280,0	13.582.911.888,0	123,77%
	CỘNG TÀI SẢN	1.395.217.356.931,0	1.622.917.689.663,0	116,32%
1	Nợ ngắn hạn	813.900.412.682,0	993.356.954.028,0	122,05%
2	Nợ dài hạn	219.565.668.814,0	257.994.868.655,0	117,50%
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.781.180.000,0	108.935.570.000,0	120,00%
4	Thặng dư vốn cổ phần	36.534.952.620,0	36.534.952.620,0	100,00%
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(365.829.054,0)	(441.462.008,0)	120,67%
6	Quỹ đầu tư phát triển	138.260.846.216,0	142.701.233.240,0	103,21%
7	Quỹ dự phòng tài chính	22.695.295.000,0	22.695.295.000,0	100,00%
8	LN sau thuế chưa PPhối	73.844.830.653,0	37.835.930.749,0	51,24%
9	Lợi ích của cổ đông tối thiểu		23.304.347.379,0	
	CỘNG NGUỒN VỐN	1.395.217.356.931,0	1.622.917.689.663,0	116,32%

Qua tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty năm 2014, cho thấy tài sản Công ty thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn, nguyên nhân là do 6 tháng cuối năm 2014 thị trường tinh bột sắn không thuận lợi, sản lượng tiêu thụ và giá bán giảm dẫn đến lượng hàng tồn kho cuối năm tăng cao.

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến 31/12/2014 cao hơn 31/12/2013 chủ yếu là do số dư nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại tại thời điểm 31/12/2014 tăng 122,05% so với thời điểm 31/12/2013. Nguyên nhân số dư nợ vay ngắn hạn tăng cao là do giá trị hàng tồn kho và phải thu của khách hàng cuối năm tăng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như chính sách của người lao động đã đi vào ổn định. Công ty tiếp tục duy trì và củng cố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, đồng thời công tác đánh giá chất lượng nội bộ theo quy chuẩn ISO được thực hiện một cách chặt chẽ.

- Đối với chính sách cho người lao động Công ty luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị quần áo, BHLĐ, bồi dưỡng độc hại của Công ty luôn được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng quy định. Hàng năm Công ty tổ chức cho CBCNV tham quan, nghỉ mát,... trong và ngoài nước nhằm tái tạo sức lao động sau thời gian làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2014:

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2014
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.400.000
2	Tổng khấu hao	Tr.đồng	85.000
3	Lãi ròng	Tr.đồng	70.000
4	Cổ tức	1.000đ/CP	5.000
5	Thành Phẩm		
5.1	Thành phẩm còn	M3	20.000
5.2	Thành phẩm tinh bột	Tấn	264.000

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2014, Mặc dù tình hình thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của Công ty có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực từ HĐQT đến Ban điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động cũng đã gần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Các thành viên Ban giám đốc đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và nắm bắt thị trường xuất khẩu và nội địa.

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành và duy trì bộ máy hoạt động hiệu quả. Đã có những chính sách kịp thời và hợp lý để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Vùng nguyên liệu:

- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu:

+ Nhà máy Đồng Xuân: Tập trung mở rộng diện tích trồng sản huyện Sơn Hòa; xã Xuân Lãnh, Đa Lộc huyện Đồng Xuân.

+ Nhà máy Gia lai: Tập trung mở rộng diện tích vùng Đắk Pơ và những vùng ưu tiên khai thác từ tháng 12 năm trước đến tháng 02 năm sau.

+ Duy trì mô hình phủ bạt, sơ kết đánh giá việc lan tỏa của mô hình vào việc trồng sản của bà con nông dân, từng bước áp dụng giống mới và nhân rộng nếu đạt hiệu quả.

+ Tập trung đầu tư nguyên liệu Sepon: Ưu tiên quan hệ với chính quyền huyện, bản để được thuê đất trên 1.000ha. Nhà máy tổ chức trồng mỳ và quan hệ với các đối tác trực tiếp trồng, canh tác theo hướng cơ giới hóa nhằm từng bước chủ động nguyên liệu cho Nhà máy đồng thời tạo lan tỏa cho vùng nguyên liệu phát triển.

+ Nhà máy Cồn và Tinh bột sắn Đắk Tô: Tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng của Kon Tum hoàn thành đề án qui hoạch vùng nguyên liệu cho Nhà máy.

- Duy trì chính sách mua nguyên liệu theo đúng hợp đồng bao tiêu với nông dân, đúng thời vụ, phù hợp với công suất từng nhà máy, thanh toán tiền mua nguyên liệu ngay và cân đo độ bột, số lượng chính xác minh bạch.

3.2. Chất lượng sản phẩm:

- Tinh bột sắn: Tuyệt đối giữ vững ổn định chất lượng sản phẩm, cải tiến thiết bị để nâng cao một số chỉ tiêu chất lượng đáp ứng đơn hàng có yêu cầu cao của khách hàng.

- Cồn: Ổn định và cải tiến chất lượng theo yêu cầu của khách hàng, từng bước nâng dần và tạo thương hiệu sản phẩm cồn thực phẩm cho các năm tiếp theo.

3.3. Định mức kinh tế kỹ thuật.

- Tất cả các Nhà máy và đơn vị trực thuộc đều được giao định mức kinh tế kỹ thuật và quản lý bằng định mức kinh tế kỹ thuật.

- Từng Nhà máy, mỗi đơn vị và người lao động chủ động phát huy sáng kiến để tăng tỷ lệ thu hồi thành phẩm cồn, tinh bột sắn và giảm tiêu hao điện, vật tư, phụ tùng thay thế.

3.4. Khách hàng và thị trường:

- Tiếp tục giữ vững và nâng cao thị phần ở thị trường Trung Quốc, khai thác thị trường Đài Loan, tìm kiếm mở rộng thị trường mới.

- Đối với thị trường nội địa: Tiếp tục phát huy các đại lý đã có đồng thời mở rộng đại lý mới, có phương pháp cung ứng thuận lợi nhằm tạo thế cạnh tranh cho khách hàng để tăng thị phần cho sản phẩm.

- Xác lập hệ thống khách hàng, thị trường cho sản phẩm cồn

3.5. Cảnh quan, môi trường và ATLĐ:

- Ưu tiên kinh phí nghiên cứu, tìm tòi giải pháp mới về xử lý môi trường.

- Tăng cường công tác xử lý môi trường, đảm bảo nước thải ra môi trường đạt chuẩn theo qui định của Nhà nước.

- Thực hiện giải pháp sục khí, tách bùn khỏi nước thải.

- Đầu tư cảnh quan hợp lý để tiến tới môi trường sản xuất xanh sạch đẹp

- Công tác PCCC và ATLĐ: các đơn vị tiếp tục củng cố và duy trì tốt công tác PCCC và ATLĐ.

3.6. Công tác đầu tư phát triển:

- Tiếp tục đầu tư cho Nhà máy Cồn, đi sâu vào làm chủ công nghệ.

- Đầu tư ép sấy bã toàn Công ty.

- Xúc tiến và thực hiện Dự án mới khi có tính khả thi cao.

3.7. Vốn và quản lý vốn:

- Đáp ứng vốn đúng, đủ và kịp thời cho đầu tư và sản xuất
- Kiểm soát chặt chẽ qui trình mua vật tư, chi phí sản xuất, phải tiết kiệm, chống lãng phí.

3.8. Lao động - Quản lý và điều hành:

- Tuân thủ pháp luật lao động cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, các Nhà máy chủ động sắp xếp, bố trí lao động trong lúc nghỉ vụ cho hợp lý.
- Thực hiện định biên lao động biên chế dài hạn, ngắn hạn, tính đến tính SX thời vụ. Ưu tiên việc điều chuyển lao động từ gián tiếp sang trực tiếp, lao động quản lý – kỹ thuật từ đơn vị này sang đơn vị khác khi có nhu cầu.
- Thực hiện chính sách động viên nghỉ trước tuổi đối với những người lao động không còn đáp ứng yêu cầu của Công ty.
- Có cơ chế quản lý, phân công trách nhiệm, xác lập quyền và nghĩa vụ từng khâu công việc nhằm phát huy cán bộ quản lý và đội ngũ kỹ thuật toàn Công ty.
- Khuyến khích khen thưởng về xử lý môi trường.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT Cty kiêm Tổng Giám đốc	454.362	4,17%
2	Vũ Lam Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	385.378	3,54%
3	Ngô Văn Tươi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	217.826	2,00%
4	Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	300.338	2,76%
5	Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	115.808	1,06%
6	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên HĐQT	0	0,0%
7	Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT	134.858	1,24%

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: 02 đ/c (Ông: Trần Thanh Chương và Bà: Nguyễn Thị Lương Thanh)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

b1. Thành lập Tiểu Ban đầu tư xây dựng cơ bản (viết tắt là Ban đầu tư) trực thuộc HĐQT nhiệm kỳ 2014-2018, gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

- | | | |
|---------------------|-------------------|----------------|
| + Ông: Võ Văn Danh | - Chủ tịch HĐQT | Trưởng ban |
| + Ông: Vũ Lam Sơn | - P.Chủ tịch HĐQT | Phó Trưởng ban |
| + Ông: Ngô Văn Tươi | - Thành viên HĐQT | Ủy viên |

- + Ông: Phạm Văn Lâm - P.Phòng KT-ĐT&NL Ủy viên.
- + Bà: Nguyễn Thị Thu Hà - PP TC-KT-TK Ủy viên.
- + Bà: Võ Thị Nhi - CV Phòng KT-ĐT&NL Ủy viên.

b2. Bổ nhiệm Thư ký và các Trợ lý Thư ký Công ty trực thuộc HĐQT, gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

- + Ông: Trần Ngọc Hải - Thành viên HĐQT- Thư ký Công ty.
- + Ông: Phạm Văn Lâm - Phó Phòng KT-ĐT&NL - Trợ lý Thư ký.
- + Ông: Tôn Long Thành Nam - CV Phòng TC-HC - Trợ lý Thư ký.
- + Bà: Võ Thị Nhi - CV Phòng KT-ĐT&NL - Trợ lý Thư ký.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 18 kỳ họp tại trụ sở chính của Công ty. Tại các phiên họp, đa số thành viên HĐQT tham dự đầy đủ, thành viên vắng mặt đều thông báo lý do. Các phiên họp đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, cán bộ chuyên môn thuộc các tiểu ban của HĐQT. Các quyết định thông qua đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên.

Hội đồng quản trị đã ban hành 99 quyết định liên quan đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức, quản lý, nhân sự phù hợp với quy chế, quy định, Điều lệ Công ty và pháp luật, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	21/01/2014	Bổ sung ngành nghề kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ cho Nhà máy Cồn và TBS ĐắkTô.
2	02/QĐ-HĐQT	21/01/2014	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 cho Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.
3	04/QĐ-HĐQT	27/02/2014	Phê duyệt quyết toán quỹ lương 2013 và kế hoạch Lao động tiền lương năm 2014.
4	05/QĐ-HĐQT	28/02/2014	Phê duyệt chủ trương đầu tư kho chứa Cồn Chu Lai Trường Hải.
5	06/QĐ-HĐQT	28/02/2014	Phê duyệt quyết toán Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Đầu tư mở rộng Bãi đậu xe tại Nhà máy Cồn và tinh bột sắn ĐắkTô.
6	07/QĐ-HĐQT	28/02/2014	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Dự án di dời Nhà máy SXTB Mỹ Quảng Ngãi – CS1.
7	11/QĐ-HĐQT	01/04/2014	Chuyển nhượng Cổ phiếu Công ty CP May Đông Thành do Công ty CP NSTP QN đang sở hữu.
8	25/QĐ-HĐQT	22/04/2014	Thành lập Ban Tổ chức Đại hội Cổ đông năm 2014.
9	30/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc – Ông Võ Văn Danh
10	31/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc – Ông Ngô Văn Tươi

11	32/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc – Ông Vũ Lam Sơn
12	33/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc – Ông Trần Ngọc Hải
13	34/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Bổ nhiệm Thư ký Công ty
14	35/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Ban hành quy định, quyền hạn và nghĩa vụ của Thư ký Công ty
15	36/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Thành lập Tiểu ban Xây dựng cơ bản
16	37/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tiểu ban Xây dựng cơ bản
17	38/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc – Ông Lê Tuấn Toàn
18	40/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty
19	41/QĐ-HĐQT	08/05/2014	Thành lập phòng chức năng thuộc Công ty
20	42/QĐ-HĐQT	14/05/2014	Phê duyệt chủ trương Đầu tư Nhà máy SXTBS M'Drăk
21	43/QĐ-HĐQT	19/05/2014	Tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Khánh Dương M'Drăk
22	44/ QĐ-HĐQT	19/05/2014	Phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật-Đầu tư phân xưởng xử lý vỏ lụa sản xuất phân hữu cơ tại Nhà máy SXTBS Đồng Xuân
23	45/QĐ-HĐQT	19/05/2014	Phê duyệt quyết toán Báo cáo Kinh tế kỹ thuật: Nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy Cồn và TBS Đăk Tô
24	46/QĐ-HĐQT	19/05/2014	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành: Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật Đầu tư nâng cấp thiết bị TBS ổn định công suất 90 tấn SP/ca tại Nhà máy Cồn Và TBS Đăk Tô
25	48/QĐ-HĐQT	25/06/2014	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án ép sấy bã sắn tươi tại Nhà máy SXTBS Đồng Xuân
26	49/QĐ-HĐQT	25/06/2014	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án ép sấy bã sắn tươi tại Nhà máy SXTBS Gia Lai (CS1)
27	50/QĐ-HĐQT	27/06/2014	Xếp chuyển lương cho Ông Trần Đức Thạch – Kế toán trưởng
28	51/NQ-HĐQT	30/06/2014	Tiến hành đăng ký lưu ký chứng khoán
29	53/QĐ-HĐQT	12/07/2014	Phê duyệt Tổng dự toán Dự án nâng công suất Nhà máy SXTBS Đồng Xuân lên 200tấn SP/ngày
30	58/QĐ-HĐQT	05/08/2014	Mua lại phần vốn góp tại Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum.
31	59/QĐ-HĐQT	05/08/2014	Phê duyệt TK bản vẽ thi công và dự toán phần Thiết bị chính(thiết bị tự chế tạo) thuộc DA NCS NM SXTB sản Đồng Xuân lên 200 tsp/ngày.
32	60/QĐ-HĐQT	05/08/2014	Phê duyệt TK bản vẽ thi công và dự toán phần Thiết bị phụ trợ và dụng cụ thuộc DA NCS NM SXTB sản Đồng Xuân lên 200tsp/ngày.
33	61/QĐ-HĐQT	05/08/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

			phần xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc DA NCS NM SXTB sản Đồng Xuân lên 200tsp/ngày.
34	62/QĐ-HĐQT	05/08/2014	Phê duyệt dự toán phần Thiết bị chính(thiết bị nhập khẩu) thuộc DA NCS NM SXTB sản Đồng Xuân lên 200tsp/ngày.
35	63/QĐ-HĐQT	05/08/2014	Phê duyệt BC KTKT phần nhà xưởng, cáp điện, tủ điện và phụ kiện từ nguồn điện thuộc dự án ép sấy bã sản tươi tại NM SXTB sản Đồng Xuân
36	65/QĐ-HĐQT	14/08/2014	Cử người làm đại diện phần vốn góp tại CTy TNHH TB sản KonTum.
37	66/QĐ-HĐQT	25/08/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục nâng cấp hệ thống xử lý nước thải thuộc DA NCS NM SXTB sản Gia Lai(CS2) lên 200tsp/ngày.
38	67/QĐ-HĐQT	25/08/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phần Thiết bị nhập khẩu thuộc DA NCS NM SXTB sản Đồng Xuân lên 200tsp/ngày.
39	68/QĐ-HĐQT	25/08/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc DA NCS NM SXTB sản Đồng Xuân lên 200tsp/ngày.
40	69/QĐ-HĐQT	25/08/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thiết bị tự chế tạo thuộc DA NCS NM SXTB sản Đồng Xuân lên 200tsp/ngày.
41	70/QĐ-HĐQT	25/08/2014	Phê duyệt tổng dự toán DA NCS NM SXTB sản Gia Lai (CS2) lên 200tsp/ngày
42	72/QĐ-HĐQT	11/09/2014	Phê duyệt chủ trương nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại NM SXTB sản Tân Châu
43	74/QĐ-HĐQT	06/10/2014	Phê duyệt BC KTKT đầu tư hệ thống ép sấy bã sản tươi tại NM SXTB sản Gia Lai (CS1)
44	75/QĐ-HĐQT	06/10/2014	Phê duyệt dự án nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại NM SXTB sản Tân Châu
45	76/QĐ-HĐQT	06/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán thiết bị nhập khẩu thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại huyện Sê Pôn CS 70 tấn, tính mở rộng 200 tấn.
46	77/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán thiết bị sản xuất tại Việt Nam thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70 tấn, tính mở rộng 200 tấn.
47	78/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán lắp đặt thiết bị dây chuyền SXTB sản thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70 tấn, tính mở rộng 200 tấn.
48	79/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán thiết bị phụ trợ thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70 tấn tính mở rộng 200 tấn.
49	80/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán hệ

			thống móng máy, thoát nước trong nhà xưởng, đường giao thông, bãi NL, bãi lắng cát, bãi chứa bã thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70 tấn tính mở rộng 200 tấn.
50	81/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán hệ thống cấp nước nhà ngoài, trạm bơm cấp I, cấp II, tháp nước, bể trung gian, bể sơ bộ thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70 tấn tính mở rộng 200 tấn.
51	82/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán hệ thống cấp nước ngoài nhà (từ nhà SX ra hồ 1), hệ thống cấp nước ngoài nhà (trạm bơm I, II) thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70 tấn, tính mở rộng 200 tấn.
52	83/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán phân san nền khu nhà máy, nhà sản xuất chính, nhà vệ sinh thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại huyện Sêpôn CS 70 tấn, tính mở rộng 200 tấn.
53	84/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công & dự toán hồ xử lý nước thải hồ số 1 thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70, tấn tính mở rộng 200 tấn.
54	85/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt tổng dự toán thuộc dự án khuyến khích trồng và chế biến TB sản tại Huyện Sêpôn CS 70 tấn, tính mở rộng 200 tấn.
55	86/QĐ-HĐQT	07/10/2014	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết dự án di dời NM SXTB mỳ Quảng Ngãi (CS1)
56	87/QĐ-HĐQT	11/10/2014	Phê duyệt đơn vị cung cấp hệ thống thiết bị ép sấy bã tươi thuộc BC KTKT đầu tư hệ thống ép sấy bã tươi tại NM SXTB sản Gia Lai (CS1)
57	90/QĐ-HĐQT	07/11/2014	Phê duyệt chủ trương đầu tư sản xuất bột Pregel tại NM Cồn & TB sản ĐắkTô
58	92/QĐ-HĐQT	21/11/2014	Ban hành quy chế quản lý đầu tư và mua sắm tài sản
59	93/QĐ-HĐQT	21/11/2014	Ban hành quy chế quản lý NM chế biến TB sản Sê Pôn.
60	95/QĐ-HĐQT	02/12/2014	Phê duyệt dự án đầu tư sản xuất bột Pregel tại Nmáy Cồn & TB sản ĐắkTô
61	96/QĐ-HĐQT	08/12/2014	Ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV CB bột sản Sê Pôn vay vốn ngân hàng
62	97/QĐ-HĐQT	08/12/2014	Phê duyệt BC KTKT đầu tư hệ thống ép sấy bã sản tươi tại NM SXTB sản Gia Lai (CS1)
63	99/QĐ-HĐQT	15/12/2014	Sửa đổi điều lệ Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm qua tập trung ở các lĩnh vực sau đây:

- Công tác trả cổ tức 2013:

+ Bằng cổ phiếu: 1.815.439 CP (tỷ lệ 5:1)

+ Bằng tiền mặt: 54.839.579.497 đ (6.040,65 đ/CP).

- Công tác xây dựng cơ bản:

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng các hạng mục xử lý môi trường tại Tân Châu; Nâng công suất các Nhà máy: Đồng Xuân, Mang Yang, An Khê, Sơn Hà, Tân Châu; Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường tại các Nhà máy; Đầu tư xây dựng dây chuyền ép-sấy bã sản tươi; Xây dựng bể xử lý nước công nghệ và kho chứa côn tại Nhà máy côn và sản Đăk Tô.

- Công tác tổ chức quản lý:

Hội đồng quản trị chỉ đạo cán bộ quản lý Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác tài chính, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu sản (mỳ), công tác xử lý môi trường, công tác PCCC và đặc biệt là nâng cao độ ổn định và một số chỉ tiêu chất lượng sản phẩm tinh bột sản đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Công tác phối hợp:

Hội đồng quản trị luôn chủ động phối hợp với tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và Công đoàn của Công ty trong việc lập các kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên đã tạo sự đoàn kết thống nhất cao trong toàn thể người lao động Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Bà: Nguyễn Thị Lương Thanh là thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tham gia tích cực vào công tác lãnh đạo của HĐQT, tham gia 4/11 cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến các vấn đề HĐQT đưa ra.

Ông: Trần Thanh Chương là thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tham gia tích cực vào công tác lãnh đạo của HĐQT, tham gia 16/18 cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến các vấn đề HĐQT đưa ra.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Trong năm Tiểu ban XDCEB đã tổ chức 15 phiên họp với các nội dung sau:

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt quyết toán Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Đầu tư mở rộng Bãi đậu xe tại Nhà máy côn và tinh bột sản Đăk Tô

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật - Đầu tư phân xưởng xử lý vỏ lụa sản xuất phân hữu cơ tại Nhà máy SXTBS Đồng Xuân.

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt quyết toán Báo cáo Kinh tế kỹ thuật: Nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy côn và tinh bột sản Đăk Tô.

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt quyết toán: Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật Đầu tư nâng cấp thiết bị tinh bột sắn ổn định công suất 90 tấn SP/ca tại Nhà máy cồn và tinh bột sắn ĐắkTô.

- Thẩm định trình HĐQT Công ty phê duyệt Tổng dự toán Dự án nâng công suất Nhà máy SXTBS Đồng Xuân lên 200tấn SP/ngày.

-Thẩm định trình HĐQT phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Đầu tư Nhà xưởng, tủ điện và phụ kiện thuộc Dự án ép sấy bã sắn tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.

-Thẩm định trình HĐQT phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán một số hạng mục thuộc Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân lên 200 tấn SP/ngày.

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán một số hạng mục thuộc Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai (cơ sở 2) lên 200 tấn SP/ngày.

-Thẩm định trình HĐQT phê duyệt Tổng dự toán Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai (cơ sở 2) lên 200 tấn SP/ngày.

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt chỉ định đơn vị nhận thầu thi công các hạng mục: Trần tạm rọ đá; Đường vào phân xưởng; Sàn nền phân xưởng; Nhà bảo vệ; Trụ hàng rào thép gai thuộc Báo cáo KTKT: Đầu tư phân xưởng xử lý vỏ lụa sản xuất phân hữu cơ tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.

-- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán một số hạng mục thuộc Dự án Khuyến khích trồng và chế biến tinh bột sắn tại huyện Sê Pôn, tỉnh Savanakhét, nước CHDCND Lào (công suất 70TSP/ngày, có tính đến mở rộng công suất lên 200 TSP/ngày).

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt Tổng dự toán Dự án: Khuyến khích trồng và chế biến tinh bột sắn tại huyện Sê Pôn, tỉnh Savanakhét, nước CHDCND Lào (công suất 70TSP/ngày, có tính đến mở rộng công suất lên 200 TSP/ngày).

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Tân Châu.

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt Báo cáo KTKT: Đầu tư Hệ thống ép sấy bã tươi tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai (CS1).

- Thẩm định trình HĐQT phê duyệt đơn vị cung cấp hệ thống thiết bị ép sấy bã tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai (CS1).

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm. Tất cả đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bùi Thị Như Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	262.336	2,41%	
2	Phạm Văn Lâm	TV Ban kiểm soát	39.686	0,36%	
3	Lê Huy Hoàng	TV Ban kiểm soát	0	0%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2014 BKS đã thực hiện công tác giám sát việc điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính... của HĐQT và Ban điều hành, cụ thể:

- HĐQT triển khai nghị quyết ĐHCĐ, Tổng giám đốc triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT.

- Xem xét tính hợp pháp và phù hợp với Điều lệ Công ty đối với Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT, Quyết định của Ban Tổng giám đốc Công ty

- Giám sát Báo cáo tài chính của Công ty.

- Tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT.

- Giám sát việc công bố thông tin theo qui định của UBCK Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2014, BKS đã tiến hành họp 2 lần để phân công nhiệm vụ của từng thành viên BKS, mỗi thành viên theo dõi giám sát việc thực hiện từng mặt công tác của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, tại cuộc họp các thành viên báo cáo về công tác giám sát do mình phụ trách, Đánh giá hoạt động giám sát của BKS.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2014 chỉ chi thù lao cho HĐQT, BKS cụ thể:

ĐVT: Đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền thù lao 2014	Ghi chú
1	Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT	37.095.225	
2	Vũ Lam Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	29.200.094	
3	Ngô Văn Tươi	Thành viên HĐQT	27.982.303	
4	Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT	26.515.637	
5	Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	26.515.637	
6	Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT	26.515.637	
7	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên HĐQT	17.448.970	
8	Bùi Thị Như Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	26.515.637	
9	Phạm Văn Lâm	TV Ban kiểm soát	19.804.494	
10	Lê Huy Hoàng	TV Ban kiểm soát	10.737.828	

c. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Vô Văn Danh	Chủ tịch HĐQT Cty kiêm Tổng Giám đốc	311.918	4,12%	454.362	4,17%	Mua; cổ phiếu trả cổ tức
2	Vũ Lam Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	266.458	3,52%	385.378	3,54%	Mua; cổ phiếu trả cổ tức
3	Ngô Văn Tươi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	151.269	2,00%	217.826	2,00%	Cổ phiếu trả cổ tức
4	Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	206.902	2,73%	300.338	2,76%	Mua; cổ phiếu trả cổ tức
5	Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	80.423	1,06%	115.808	1,06%	Cổ phiếu trả cổ tức
6	Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT	110.319	1,46%	134.858	1,24%	Bán; cổ phiếu trả cổ tức
7	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên HĐQT	0,0	0,0%	0,0	0,0%	
8	Trần Đức Thạch	Kế toán trưởng	55.250	0,73%	79.560	0,73%	Cổ phiếu trả cổ tức
9	Bùi Thị Như Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	180.512	2,39%	262.336	2,41%	Mua; cổ phiếu trả cổ tức
10	Phạm Văn Lâm	TV Ban kiểm soát	28.394	0,38%	39.686	0,36%	Bán; cổ phiếu trả cổ tức
11	Lê Huy Hoàng	TV Ban kiểm soát	0,0	0,0%	0,0	0,0%	

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán xem tại website: <http://www.apfco.com.vn>

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Lam Sơn